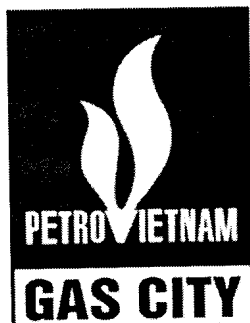


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
Tầng 4- Số 173 Trung Kính – Cầu Giấy – Hà Nội
www.pvgascity.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Số 25 /BC-KĐT

Hà Nội, tháng 3/2014



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**

Tên Tiếng Anh: **PETROVIETNAM GAS CITY INVESTMENT AND DEVELOPMENT
JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **PV GAS CITY**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102349865

Vốn điều lệ: 188.700.000.000 VND (Một trăm tám tám tỷ bảy trăm triệu đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013: 221.132.895.189 đồng:

Trụ sở chính: Tầng 4 - Số 173 Trung kính – Phường Yên Hòa - Cầu Giấy – Hà nội.

Điện thoại: 04. 37346848; Fax: 04.37346838

Website: <http://www.pvgascity.com.vn>

Email: info@pvgascity.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0102349865

Vốn điều lệ: 188.700.000.000 VND.

Mã cổ phiếu: PCG

Logo công ty:



2. Quá trình hình thành và phát triển

Thành lập theo nghị quyết số 1877/NQ-DKVN ngày 06/7/2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102349865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/08/2007, sửa đổi lần thứ 12 ngày 24 tháng 5 năm 2013.

Thời điểm niêm yết: 29/12/2010

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ete (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethy ête (DME); Vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp gas LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;

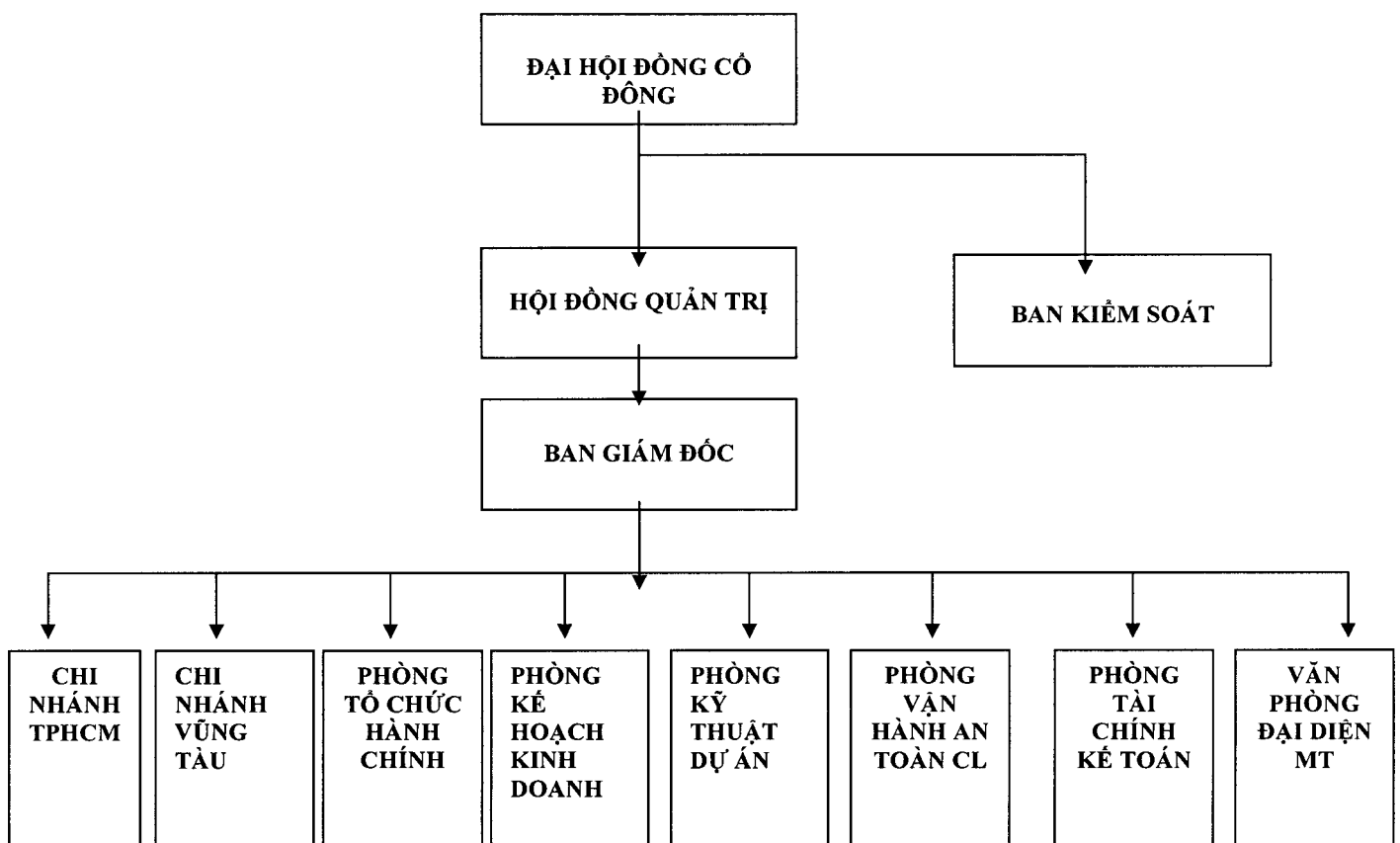
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống khí gas công trình xây dựng;

3.2. Địa bàn kinh doanh

- Thành Phố Hà Nội;
- Thành Phố Hồ Chí Minh;
- Thành phố Vũng Tàu;
- Một số các tỉnh thành trên phạm vi cả nước: Quảng Ngãi; Đà Nẵng; Cà Mau; Nha Trang; Quảng Nam; Hải Phòng...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

4.1. Mô hình quản trị



Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác của pháp luật.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Ban Giám đốc điều hành: 03 người
 - + Ông Nguyễn Thành Đôn - Giám đốc
 - + Ông Bùi Xuân Năng - Phó Giám đốc
 - + Ông Phạm Văn Tuyền - Phó Giám đốc
- Các phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Kỹ thuật dự án; Phòng Tài chính kế toán; phòng Kế hoạch kinh doanh; Phòng vận hành an toàn chất lượng; Chi nhánh TPHCM; Chi nhánh Vũng Tàu; Văn phòng đại diện Miền Trung.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đẩy mạnh công tác đầu tư, thi công xây lắp trạm cung cấp gas trung tâm cho các khu đô thị, khu chung cư...;
- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời và tích cực tìm kiếm các khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp (cung cấp qua hệ thống đường ống) mới để nâng cao sản lượng, doanh thu cho Công ty;
- Xây dựng các trạm nạp CNG/LPG cho các phương tiện giao thông vận tải;
- Nghiên cứu quy hoạch citygas cho các Thành phố hoặc và các khu đô thị lớn của Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng;
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các Thành phố và khu đô thị.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Lập quy hoạch Citygas cho các Thành phố và các khu đô thị lớn của Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng trong giai đoạn 2014-2020;
- Đầu tư xây dựng mạng lưới hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm cho các khu đô thị lớn, đặc biệt là khí đốt thiên nhiên;
- Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào các công trình khí;
- Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường theo đúng định hướng phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Khí Việt Nam nhằm nâng cao thương hiệu và uy tín của PetroVietnam;
- Cung cấp, lắp đặt bộ chuyển đổi xe ô tô chạy xăng sang xe chạy Gas (LPG, CNG) và bộ chuyển đổi tiết kiệm xăng giảm khí thải sử dụng công nghệ Hydrogen cho các hãng taxi.....như là một trong những loại nhiên liệu sạch và thân thiện với môi trường;
- Công ty chú trọng tập trung lĩnh vực hoạt động sở trường là xây lắp, nhận thầu thi công hệ thống gas trung tâm cho các khu đô thị, công nghiệp qua đó tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, đồng thời tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động này;
- Sắp xếp lại các Phòng nghiệp vụ nhằm đảm bảo bộ máy tinh giản, đạt hiệu quả cao trong công việc;
- Chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận bằng việc điều động, luân chuyển cán bộ tại các phòng ban và tại các công trình để từ đó đánh giá được những phẩm chất tốt của CBNV cần phát huy, làm cơ sở bồi dưỡng cán bộ nòng cốt cho Công ty sau này.

6. Các rủi ro:

- Công tác tiếp cận và mở rộng thị trường còn gặp rất nhiều khó khăn do sự đóng băng của thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu hồi phục, do đó cơ hội để phát triển mở rộng thị phần khách hàng càng khó khăn. Các chính sách như cắt giảm đầu tư công ... gây khó khăn cho hoạt động của công ty;
- Nguồn nhân sự: Với lực lượng cán bộ hiện nay phần lớn là cán bộ trẻ, mặc dù có nhiệt huyết trong lao động, trình độ chuyên môn cao, phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, tuy nhiên kinh nghiệm thi công còn chưa nhiều;
- Hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước thường trong lĩnh vực hệ thống Gas trung tâm còn chưa đồng nhất, gây khó khăn cho Công ty trong hoạt động kinh doanh, đầu tư xây lắp hệ thống gas trung tâm.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2013

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013, thị trường bất động sản chưa hồi phục, đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp của công ty. Tuy nhiên, nhờ sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Tập

đoàn Dầu khí, Tổng Công ty Khí Việt Nam, Hội đồng Quản trị Công ty và sự nỗ lực không ngừng của Ban điều hành và CBNV, năm 2013 một số chỉ tiêu kinh doanh của Công đã đạt kế hoạch, cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH2012	KH2013	TH2013	TH2013/ KH2013	TH2013/ TH2012
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	796,89	896,60	855,20	95%	107%
1.1	LPG	Tỷ đồng	744,37	745,78	766,11	103%	103%
	LPG Công nghiệp	Tỷ đồng	734,45	737,10	756,78	103%	103%
	LPG City Gas	Tỷ đồng	3,63	5,94	8,98	151%	247%
	LPG Autogas	Tỷ đồng	0,042	2,74	0,36	13%	9%
1.2	CNG	Tỷ đồng	-	2,10	-	0%	
1.3	Xây lắp	Tỷ đồng	23,62	143,20	85,47	60%	362%
1.4	Doanh thu khác	Tỷ đồng	0,65	5,52	3,62	66%	559%
2	Giá vốn	Tỷ đồng	774,36	848,24	812,25	96%	105%
3	Chi phí	Tỷ đồng	30,51	41,55	35,71	86%	117%
4	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	15,59	14,00	11,99	86%	77%
5	Lợi nhuận từ hoạt động sxkd	Tỷ đồng	7,61	20,82	19,22	92%	2.53%
6	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,49	(1,40)	0,31		63%
7	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,10	19,42	19,52	101%	242%
8	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,83	14,56	14,63	100%	251%

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1. Ban điều hành

2.1.1. Ông: Nguyễn Thành Đôn

- Ngày sinh: 30/11/1960
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sơn Lễ, Hương Sơn, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Số 2 H1 Khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND: 011678706 do Công an Hà Nội cấp ngày 12/08/2008
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị dầu khí, Kỹ sư QTDN
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1987 - 04/1990	Viện Dầu khí Việt Nam	Kỹ sư
04/1990 - 03/1993	Công ty Dung dịch khoan và hoá phẩm Dầu khí	Kỹ sư
03/1993 - 06/1996	Công ty Dung dịch khoan và hoá phẩm Dầu khí (làm việc tại Công ty IDF và Dowell Schlumberger)	Kỹ sư
06/1996 - 08/1999	Công ty liên doanh khí hoá lỏng Thăng Long	Phó TGD

08/1999 - 08/2002	Công ty liên doanh khí hoá lỏng Thăng Long	Tổng giám đốc
08/2002 - 03/2005	Công ty liên doanh khí hoá lỏng Thăng Long	Phó TGD
03/2005 - 07/2005	Công ty liên doanh khí hoá lỏng Thăng Long	Tổng giám đốc
07/2005 - 01/2010	Công ty TNHH liên doanh khí hoá lỏng Thăng Long	Phó TGD
2010 – 05/2012	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Chủ tịch HĐQT
05/2012 đến nay.	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.900 cổ phần

2.1.2. Ông : Bùi Xuân Năng

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/11/1974
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thường Tín - Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: 281/17 Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số CMND: 011772605 do Công an Hà Nội cấp ngày 03/07/2008
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Lọc hoá dầu
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1996 - 11/2001	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí	Chuyên viên
12/2001 - 05/2006	Ban Chế biến, Tập đoàn Dầu khí QG Việt nam	Chuyên viên
06/2006 - 01/2008	Ban Chế biến, Tập đoàn Dầu khí QG Việt nam	Phó phòng Dự án
02/2008 - Nay	Công ty cổ phần đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Phó Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.1.3. Ông: Phạm Văn Tuynh

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/01/1976
- Nơi sinh: Hưng Yên Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiên Lữ, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 15, ngõ Hoà Bình 4, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số CMND: 012939589 do Công an Hà Nội cấp ngày 15/03/2007
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xây dựng và xếp dỡ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2003 - 12/2005	Công ty TNHH Thương mại Trần Hồng Quân	Cán bộ Kỹ thuật
01/2006 - 12/2006	Công ty TNHH Thương mại Trần Hồng Quân	Phó giám đốc
09/2007 - 01/2008	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Chuyên viên
02/2008 - 09/2008	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Trưởng phòng KT
10/2008 - Nay	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.1.4. Kế toán trưởng

- Họ và tên: Đặng Thái Hà
- Ngày tháng năm sinh: 10/11/1977
- Học vấn chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
- Trường Đại học: Thương mại
- Ngành: Kế toán
- Năm tốt nghiệp: 1999
- Chứng chỉ hành nghề: Kế toán trưởng ; Dịch vụ thuế
- Quá trình công tác, kinh nghiệm:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2000	Nhân viên kế toán	Công ty phát triển công nghệ thông tin AIC
2000 -2007	Nhân viên kế toán	Công ty CP Bánh kẹo Hải Hà
2007 – 2008	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị
2008 –11/2010	Phó phòng TCKT	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị
11/2010 - đến nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.2. Những thay đổi trong điều hành

- Trong năm 2013, Công ty không thay đổi nhân sự trong ban điều hành.

2.3. Số lượng CB nhân viên.

- Tính đến 31/12/2013, tổng số cán bộ nhân viên 136 người;
- Đảm bảo việc ký hợp đồng lao động, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng các quy định của pháp luật;
- Thực hiện đúng các chế độ lương thưởng các dịp lễ tết cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;
- Mức lương cho người lao động đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung và tình hình thị trường. Thu nhập bình quân năm 2013 đạt 9,64 triệu đồng/người;
- Công ty quan tâm tới việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CBNV phục vụ công tác. Trong năm 2013, công ty đã tổ chức 29 khóa đào tạo cho 248 lượt người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án.

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Dự án đầu tư	ĐVT	KH	Thực hiện	Tỷ lệ HT
Đầu tư xây dựng trạm cấp khí đốt thiên nhiên (NG) trung tâm tại khu đô thị Phú Mỹ Hưng	Tỷ đồng	13	0,26	2,23%
Cộng		13	0,26	2,23%

3.2. Các công ty con: Không có

4. Tình hình tài chính.

4.1. Tình hình tài chính.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	2012	2013	%
1	Tổng giá trị tài sản	377,57	403,44	7%
2	Doanh thu thuần	796,89	855,20	7%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7,611	19,28	152%
4	Lợi nhuận khác	0,49	0,31	-37%
5	Lợi nhuận trước thuế	8,10	19,52	141%
6	Lợi nhuận sau thuế	5,83	14,63	151%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	250	650	172%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

T	Các chỉ tiêu	2012	2013	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	2,17	2,06	
	Hệ số thanh toán nhanh: ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	1.94	1.84	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	43.58%	45.19%	
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	77.25%	82.45%	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	17.27	20.43	
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.11	2.12	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.73%	1.71%	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2.73%	6.62%	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1.54%	3.63%	
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.96%	2.25%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần.

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.870.000 (Mười tám triệu tám trăm bảy mươi cổ phần)
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.870.000 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông. Tính đến ngày 14/3/2014 như sau:

Số TT	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Cổ đông lớn	2	14,982,000	79.40
	Cổ đông nhỏ	1380	3,888,000	20.60
2	Cổ đông tổ chức	10	15,950,462	84.52
	Cổ đông cá nhân	1372	2,919,538	15.47
3	Cổ đông trong nước	1366	9,747,200	51.65
	Cổ đông nước ngoài	16	9,122,800	48.35
4	Cổ đông nhà nước	1	218,100	1.16
	Cổ đông khác	1381	18,651,900	98.84

5.3. Tình hình thay đổi cơ cấu vốn chủ sở hữu: Không

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1. Kết quả kinh doanh:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2012	KH 2013	TH 2013	TH 2013/KH 2013	TH 2013/TH 2012
I	Chỉ tiêu SL/giá trị SL						
1.1	LPG	Tấn	33.761	39.155	35.730	91%	106%
	LPG Công nghiệp		33.637	38.790	35.426	91%	106%
	LPG City Gas		122	242	290	120%	208%
	LPG Autogas		2	123	14	11%	832%
1.2	CNG	Nm3	-	127.682	-	0%	
1.3	xây lắp, tư vấn thiết kế	Căn hộ	5.275	8.530	2.233	26%	42%
II	Chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	377,57	392,14	403,45	103%	107%
-	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	356,17	369,90	374,08	101%	105%
-	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	21,41	22,23	29,37	132%	137%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	213,02	219,86	221,13	101%	104%
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	188,70	188,70	188,70	100%	100%
4	Nợ phải trả	Tỷ đồng	164,55	172,28	182,31	106%	111%
-	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	164,33	172,04	181,74	106%	111%

-	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	0,23	0,24	0,57	243%	253%
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	796,89	896,60	855,20	95%	107%
5.1	LPG	Tỷ đồng	744,37	745,78	766,11	103%	103%
	LPG Công nghiệp	Tỷ đồng	734,45	737,10	756,78	103%	103%
	LPG City Gas	Tỷ đồng	3,63	5,94	8,98	151%	247%
	LPG Autogas	Tỷ đồng	0,042	2,74	0,36	13%	9%
5.2	CNG	Tỷ đồng	-	2,10	-	0%	
5.3	Xây lắp	Tỷ đồng	23,62	143,20	85,47	60%	362%
5.4	Doanh thu khác	Tỷ đồng	0,65	5,52	3,62	66%	559%
6	Giá vốn	Tỷ đồng	774,36	848,24	812,25	96%	105%
7	Chi phí	Tỷ đồng	30,51	41,55	35,71	86%	117%
8	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	15,59	14,00	11,99	86%	77%
9	Lợi nhuận từ hoạt động sxkd	Tỷ đồng	7,61	20,82	19,22	92%	2.53%
10	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,49	(1,40)	0,31		63%
11	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,10	19,42	19,52	101%	242%
12	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,83	14,56	14,63	100%	251%

1.2. Phân tích nguyên nhân:

- Năm 2013, chỉ tiêu sản lượng không đạt KH nguyên nhân chủ yếu là do biến động giá CP đã ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng, một số khách hàng giảm công suất nhà máy, mức tiêu thụ của thị trường giảm, cạnh tranh khốc liệt. CNG vẫn chưa có sản lượng do dự án Phú Mỹ Hưng chưa đưa vào khai thác.
- Chỉ tiêu doanh thu đạt 100%
- Chi phí: Tổng chi phí thực hiện bằng 86% kế hoạch một phần tiết kiệm được từ chi phí quản lý (tiếp khách, công tác, văn phòng khác) và một phần giảm tương ứng với phần sản lượng không đạt (vận tải, marketing, khấu hao).
- Lợi nhuận sau thuế đạt 100% kế hoạch

2. Tình hình tài chính.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2013	Tỷ trọng	Năm 2012	Tỷ trọng	Thay đổi
A	TỔNG TÀI SẢN	403,45	100%	377,57	100%	7%
1	TÀI SẢN NGẮN HẠN	374,08	93%	356,17	94%	5%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	93,83	25%	161,79	45%	-42%
1.2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	78,11	21%	19,39	5%	303%
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	159,53	43%	129,59	36%	23%
	Phải thu khách hàng	156,87	98%	115,82	89%	35%
	Trả trước cho người bán	2,48	2%	3,15	2%	-21%
	Các khoản phải thu khác	7,96	5%	13,55	10%	-41%

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7,79)	-5%	(2,95)	-2%	164%
1.4	Hàng tồn kho	40,01	11%	39,51	11%	1%
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	2,60	1%	5,88	2%	-56%
2	TÀI SẢN DÀI HẠN	29,37	8%	21,41	6%	37%
2.1	Tài sản cố định	11,06	38%	10,01	47%	10%
	Tài sản cố định hữu hình	3,89	35%	5,26	53%	-26%
	Tài sản cố định vô hình	0,25	2%	22,66	0%	1032%
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6,90	62%	4,72	47%	46%
2.3	Tài sản dài hạn khác	16,18	55%	11,37	53%	42%
3	NỢ PHẢI TRẢ	182,31	45%	164,55	44%	11%
3.1	Nợ ngắn hạn	181,74	100%	164,33	100%	11%
	Phải trả người bán	163,55	90%	145,18	88%	13%
	Người mua trả tiền trước	4,59	3%	12,86	8%	-64%

2.1. Tài sản

Qua bảng cơ cấu nguồn vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2013, ta thấy cơ cấu tài sản của Công ty vẫn duy trì ở xu hướng tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, với tỷ trọng 93% - 94%. Tuy nhiên cơ cấu Tài sản ngắn hạn (TSNH) lại có thay đổi đáng kể:

- Tiền và các khoản tương đương tiền năm 2013 chiếm 25%/ TSNH giảm 42% so với cùng kỳ năm ngoái. Là do Công ty chuyển tiền sang tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, dưới 12 tháng. Đây cũng là nguyên nhân khiến Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng cao, cũng như chiếm tỷ trọng lớn trong năm 2013.
- Các khoản phải thu ngắn hạn trong năm 2013 chiếm tỷ trọng 43%/TSNH trong khi đó năm 2012 chỉ là 36%, tăng 23%. Trong đó, Phải thu khách hàng là khoản mục có tỷ trọng lớn nhất trong Các khoản phải thu ngắn hạn, chiếm 98%, tăng 35% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong năm 2013, Công ty cũng trích lập Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tăng 164% so với năm 2012. Các khoản phải thu khác tại thời điểm 31/12/2013, theo thuyết minh báo cáo tài chính là các khoản Lãi dự thu (2,1 tỷ), Tiền thuê đất Hiệp Phước (3 tỷ - đã thu được trong tháng 1/2014) và các khoản phải thu khác (2,7 tỷ).
- Tài sản dài hạn (TSDH) cuối năm chiếm tỷ trọng 8%, đầu năm chiếm tỷ trọng 6% trên tổng tài sản. Sự thay đổi tỷ trọng của TSDH chủ yếu là do: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 46% cho thấy Công ty đã đầu tư mở rộng quy mô sản xuất. TSDH khác năm 2013 bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí cải tạo văn phòng, thiết bị văn phòng... Trong đó chi phí thuê văn phòng (15,016 tỷ), các chi phí khác (916 triệu).

2.2. Tình hình nợ phải trả.

- Xu hướng thay đổi tỷ trọng các khoản mục nguồn vốn của Công ty từ đầu năm đến cuối năm 2013 nghiêng về sự gia tăng tỷ trọng của Nợ phải trả (+11%). Chủ yếu là do khoản phải trả người bán (+13%). Tại thời điểm hiện tại Công ty không có nợ phải trả xấu. Chỉ tiêu Người mua trả tiền trước giảm mạnh là do trong năm công ty đã quyết toán khá nhiều công trình xây lắp do công ty làm nhà thầu thi công.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Cung cấp dịch vụ liên quan đến Gas trung tâm tới các Khu đô thị với chất lượng cao, chi phí hợp lý, cạnh tranh và phục vụ 24/24;

- Mở rộng hình thức phân phối khí tới các hộ tiêu thụ thông qua hệ thống cung cấp trung tâm, trước mắt là sử dụng LPG và hướng đến sử dụng khí tự nhiên (NG), khí tự nhiên hoá lỏng (LNG) trong tương lai;
- Từng bước tham gia đầu tư, hình thành mạng lưới cung cấp khí cấp cho các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Xây dựng PVGAS CITY trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp Gas trung tâm. Tập trung chủ yếu vào các chung cư, khu đô thị lớn;
- Tiếp tục khẳng định thương hiệu của PVGAS CITY trên thị trường đầu tư, xây lắp, kinh doanh hệ thống gas trung tâm;
- Tham gia đầu tư đường ống cung cấp khí, các kho cảng đầu mối và khai thác, kinh doanh nguồn khí tại khu vực miền Bắc nhằm tạo nguồn cung ứng đầy đủ, kịp thời cho các dự án kinh doanh AUTOGAS và CITYGAS của công ty;
- Xây dựng đội ngũ cán CBNV trình độ chuyên môn cao, ứng dụng các công nghệ tiên tiến hiện đại.

4. Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán: Không

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2012 công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, thị trường bất động sản đóng băng. Đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế trong năm qua tập thể CBCNV Công ty đã có nhiều nỗ lực, cố gắng tập trung đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa sức mạnh tập thể để đạt được kết quả kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Thực hiện 2012	TH2013/ KH2013	TH 2013/ TH2012
1	Doanh thu	896,60	855.20	796,89	95%	107%
2	Lợi nhuận trước thuế	19,41	19,52	8,10	101%	241%
3	Thuế TNDN	4,85	4,89	2,26	101%	216%
4	Lợi nhuận sau thuế	14,56	14,63	5,83	100%	251%
5	LNST chưa phân phối	14,43	14,02	5,91	97%	237%

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban giám đốc, ngay từ đầu năm 2013 Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ như :

- Đã ổn định và kiện toàn bộ máy tổ chức, quản lý điều hành của Công ty theo định hướng phù hợp với điều kiện SXKD của đơn vị;
- Chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký hợp đồng, có vốn và mặt bằng thi công;
- Tìm kiếm và phát triển thị trường;
- Năm 2013 chỉ tiêu xây lắp do Công ty đề ra chưa đạt do các nguyên nhân sau:
 - Các dự án phát triển mới bị ảnh hưởng trầm trọng từ suy thoái của thị trường bất động sản. Một số chủ đầu tư cắt giảm chi phí bằng cách cắt giảm hạng mục gas trung tâm.
 - Tình trạng thi công bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các nguyên nhân khách quan từ phía Chủ đầu tư: thiếu mặt bằng, thiết kế sửa đổi bổ sung chậm phê duyệt, việc bố trí vốn

của chủ đầu tư vừa thiếu vừa không phù hợp với tiến độ thi công đã làm cho công tác thi công kéo dài, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh;

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Giám đốc công ty là ủy viên Hội đồng quản trị nên việc Báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban giám đốc tới HĐQT được thực hiện kịp thời và đầy đủ. Ban giám đốc thường xuyên báo cáo, trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quản trị trong việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty qua Email, điện thoại ngoài cuộc họp thường kỳ.
- Hội đồng quản trị thực hiện theo dõi, giám sát và có những quyết sách chỉ đạo trên cơ sở bám sát tình hình kinh doanh cũng như hoạt động điều hành của Ban giám đốc. Việc giám sát được thực hiện qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, và việc tham gia trực tiếp tại các cuộc họp giao ban công ty của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2014 với những cơ hội và thách thức mới, để giữ vững và phát triển nâng cao hiệu quả SXKD, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tập trung chỉ đạo vào các lĩnh vực sau:

- Chỉ đạo phân tích, đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2013, chấn chỉnh các mặt hoạt động trong năm 2013, các giải pháp khắc phục trong năm 2014;
- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2014, kế hoạch tài chính, lợi nhuận, dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kiện toàn, định biên sắp xếp lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới để thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD năm 2014;
- Tăng cường công tác quản lý, tập trung nguồn lực đảm bảo theo hợp đồng đã ký kết;
- Rà soát, điều chỉnh lại các quy định quy chế phù hợp với tình hình SXKD;
- Duy trì các cuộc họp HĐQT thường kỳ theo quy định.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị.

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2013 có 5 thành viên, trong đó số thành viên độc lập là 01, thành viên không điều hành là 4.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Văn Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	TV Không điều hành
2	Cheung Yipsang	PCT HĐQT	TV Không điều hành
3	Nguyễn Thành Đôn	Ủy viên HĐQT	TV điều hành
4	Liu Yongxin Michael	Ủy viên HĐQT	TV Không điều hành
5	Vũ Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	TV Độc lập, không điều hành

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu công việc cho đến năm 2013 Công ty chưa thành lập các tiểu ban giúp việc cho HĐQT.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị định kỳ (mỗi quý 1 lần) và tổ chức một số buổi họp đột xuất khác theo yêu cầu của công tác SXKD để kiểm điểm thực hiện các nhiệm vụ của kỳ trước. Thông qua chủ trương và chỉ đạo sát sao việc thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh của

Công ty, đưa ra hướng giải quyết các vấn đề phát sinh. Thông qua các chương trình hoạt động, ban hành các nghị quyết, quyết định...kịp thời cho công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trong năm HĐQT đã ban hành 4 Nghị quyết, quyết định phục vụ cho công tác điều hành SXKD của Công ty;

- Các quyết nghị của Hội đồng quản trị được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng quản trị;
 - Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty và quy chế hoạt động của HĐQT;
 - Thực hiện tốt việc sửa đổi bổ xung hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định cũ đã ban hành theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị;
 - Ban hành các quyết định như: Chỉ đạo Ban Giám đốc công ty triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013. Giám sát thường xuyên công tác thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 của công ty, hỗ trợ và phối hợp Giám đốc xử lý kịp thời và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao nhất.
 - Tiếp tục chỉ đạo triển khai để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ để đưa công trình vào sử dụng nhằm mở rộng thị trường kinh doanh LPG, CNG.... Đặc biệt là dự án CNG citygas mà trong tâm là trạm Citygas của Khu đô thị Phú Mỹ Hưng.
- 1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Thành viên HĐQT độc lập không điều hành của công ty đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được Hội đồng quản trị công ty phân công.
- 1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty chưa có các tiểu Ban giúp việc HĐQT.
- 1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: 03 Thành viên HĐQT Công ty đã tham gia các lớp học bồi dưỡng về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát:

- 2.1. **Thành viên Ban Kiểm soát** : gồm 3 thành viên, trong đó số thành viên độc lập không điều hành là 3.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Công Luận	Trưởng ban kiểm soát
2	Đỗ Anh Tuấn	Kiểm soát viên
3	Yang xing Qiong	Kiểm soát viên

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát.

Năm 2013, BKS đã thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty và các Quy định của pháp luật cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS đã thường xuyên tiến hành giám sát hoạt động của Công ty đồng thời trực tiếp thực hiện và phối hợp với các Phòng chức năng thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ tại văn phòng Công ty.

Nội dung kiểm tra giám sát của BKS bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc;

- Giám sát việc phối hợp giữa HĐQT, Ban giám đốc và các bộ phận quản lý khác;
- Giám sát việc sửa đổi, hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy chế, quy định của Công ty nhằm định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn;
- Thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính trong năm.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi lần kiểm tra, BKS đều có các ý kiến phân tích, đánh giá những mặt cần khắc phục của Ban GD Công ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát

3.1. Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập chịu thuế	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị			
1	Văn Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	399 199 801	
2	Nguyễn Thành Đôn	Ủy viên HĐQT, GD	396 794 967	
3	Cheung yipsang	PCT HĐQT	24,000,000	
4	Liu yongxin michael	Ủy viên HĐQT	24,000,000	
5	Vũ Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	24,000,000	
II	Ban điều hành			
1	Nguyễn Thành Đôn	Ủy viên HĐQT, GD	(như trên)	
2	Bùi Xuân Năng	P.GD	336 927 172	
3	Phạm văn Tuynh	P.GD	336 927 172	
III	Kế toán trưởng			
1	Đặng Thái Hà	KTT	311 689 097	
IV	Ban kiểm soát			
1	Nguyễn Công Luận	Trưởng ban	24,000,000	
2	Đỗ Anh Tuấn	Thành viên	18,000,000	
3	Yang Xing Qiong	Thành viên	18,000,000	
	Tổng		1. 913. 538. 209	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã và đang thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

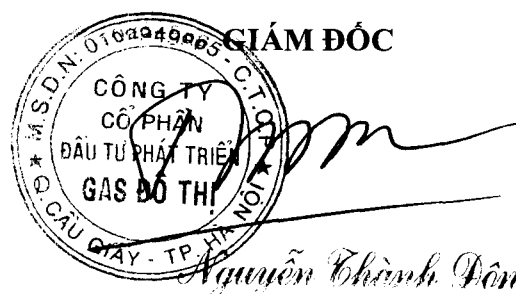
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán. (Đính kèm)

Nơi nhận:

- SSC, HNX;
- TVHDQT, BKS;
- Phòng TCHC (để CBTT);
- Lưu VT, H.05.





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GAS ĐÔ THỊ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Cheung Yipsang	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Văn Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Đôn	Ủy viên
Ông Liu Yongxin Michael	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Đôn	Giám đốc
Ông Bùi Xuân Năng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuynh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Thành Đôn
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

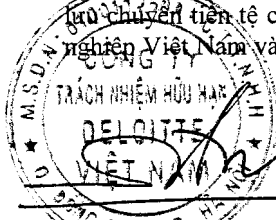
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0036-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		374.081.593.116	356.164.837.476
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	93.829.909.296	161.792.543.703
1. Tiền	111		7.569.909.296	19.530.543.703
2. Các khoản tương đương tiền	112		86.260.000.000	142.262.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		78.104.559.580	19.384.694.454
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	78.104.559.580	19.384.694.454
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.527.413.391	129.590.906.277
1. Phải thu khách hàng	131	7	156.870.327.627	115.827.893.478
2. Trả trước cho người bán	132		2.482.678.048	3.159.351.402
3. Các khoản phải thu khác	135	8	7.969.593.940	13.555.281.804
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.795.186.224)	(2.951.620.407)
IV. Hàng tồn kho	140	9	40.014.312.101	39.506.810.533
1. Hàng tồn kho	141		40.014.312.101	39.506.810.533
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.605.398.748	5.889.882.509
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		972.339.158	154.380.457
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		340.592.753	4.936.269.221
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.292.466.837	799.232.831
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		29.365.227.424	21.408.962.379
I. Tài sản cố định	220		11.062.148.859	10.016.787.334
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.899.284.090	5.265.927.472
- Nguyên giá	222		8.422.270.751	10.624.843.017
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.522.986.661)	(5.358.915.545)
2. Tài sản cố định vô hình	227		256.612.903	22.662.567
- Nguyên giá	228		428.280.000	223.461.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.667.097)	(200.799.251)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	6.906.251.866	4.728.197.295
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.118.928.290	18.866.450
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	2.118.928.290	18.866.450
III. Tài sản dài hạn khác	260		16.184.150.275	11.373.308.595
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	15.932.044.081	11.071.202.401
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	26	143.860.322	143.860.322
3. Tài sản dài hạn khác	268		108.245.872	158.245.872
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		403.446.820.540	377.573.799.855

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		182.313.925.351	164.551.918.628
I. Nợ ngắn hạn	310		181.739.039.538	164.324.990.874
1. Phải trả người bán	312	15	163.551.063.700	145.180.150.779
2. Người mua trả tiền trước	313		4.592.191.197	12.862.335.110
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.632.089.253	840.979.395
4. Phải trả người lao động	315		2.342.915.159	789.657.263
5. Chi phí phải trả	316	17	1.456.876.559	661.232.001
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	3.507.687.333	2.801.993.020
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.841.980.496	1.183.957.465
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		814.235.841	4.685.841
II. Nợ dài hạn	330		574.885.813	226.927.754
1. Phải trả dài hạn khác	333		22.290.000	23.775.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	335		552.595.813	203.152.754
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		221.132.895.189	213.021.881.227
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	221.132.895.189	213.021.881.227
1. Vốn điều lệ	411		188.700.000.000	188.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	15.480.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		806.000.778	806.000.778
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.790.614.594	1.790.614.594
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		337.031.314	337.031.314
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.019.248.503	5.908.234.541
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		403.446.820.540	377.573.799.855



Nguyễn Thành Đôn
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

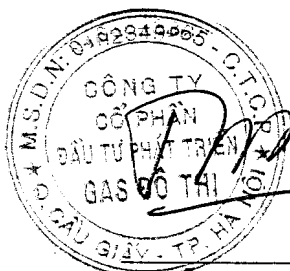
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	855.197.198.160	796.932.541.413
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	24.953	41.675.910
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	21	855.197.173.207	796.890.865.503
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	812.253.432.523	774.362.092.435
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		42.943.740.684	22.528.773.068
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	11.996.369.157	15.637.835.706
7. Chi phí tài chính	22		9.644.644	47.160.664
8. Chi phí bán hàng	24		9.750.758.261	8.931.034.103
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.962.307.540	21.577.195.359
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		19.217.399.396	7.611.218.648
11. Thu nhập khác	31		1.306.361.492	1.522.885.017
12. Chi phí khác	32		998.852.181	1.034.923.586
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		307.509.311	487.961.431
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		19.524.908.707	8.099.180.079
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	4.893.727.177	2.052.953.402
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	211.932.045
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		14.631.181.530	5.834.294.632
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	728	302



Nguyễn Thành Đôn
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

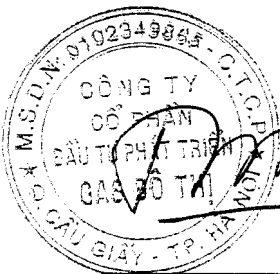
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	891.213.004.993	853.439.670.221
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(883.983.734.998)	(823.232.569.577)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.825.344.586)	(12.471.405.560)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(5.238.890)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.333.228.311)	(2.806.618.159)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.420.110.630	4.911.135.068
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.190.132.406)	(6.382.511.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.699.324.678)	13.452.461.769
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.090.598.125)	(4.384.865.147)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(84.824.061.840)	(35.849.804.509)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24.004.134.874	25.890.800.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.160.318.937	17.127.227.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54.750.206.154)	2.783.357.860
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	2.100.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.100.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(4.513.103.575)	(5.391.828.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.513.103.575)	(5.391.828.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(67.962.634.407)	10.843.991.629
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	161.792.543.703	150.950.469.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.917.062)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	93.829.909.296	161.792.543.703



Nguyễn Thành Đơn
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần 12 ngày 24 tháng 5 năm 2013.

Vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 139 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 138).

Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 11 năm 2012 và chi nhánh tại Vũng Tàu - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102349865 ngày 05 tháng 9 năm 2011, thay đổi lần 4 ngày 02 tháng 7 năm 2012.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên sàn Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã cổ phiếu là PCG.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng và các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME);
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo lao động phục vụ ngành khí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới, định giá, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động môi giới giá đất);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Dịch vụ tư vấn, thi công, lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống điều hòa không khí, điện, nước, thang máy, trang trí nội ngoại thất, thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng;
- Giám sát thi công, xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn và tài sản tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng kể từ ngày gửi, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013
	Số năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền đã trả để thuê 742 m² văn phòng tại tầng 4, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 đường Trung Kính, Hà Nội, với giá thuê là 1.206.698 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tại ngày 15 tháng 8 năm 2013, Công ty đã bàn giao lại 234 m² cho Viện Dầu khí Việt Nam và ký phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung cho Hợp đồng thuê văn phòng. Theo đó, tiền thuê được thanh toán trong 10 năm, mỗi năm trả 2 lần và tổng giá trị phải thanh toán cho phần diện tích thuê còn lại trong vòng 10 năm là 30.650.137.667 VND. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước dài hạn khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	163.626.174	293.055.009
Tiền gửi ngân hàng	7.406.283.122	19.237.488.694
Các khoản tương đương tiền (*)	86.260.000.000	142.262.000.000
	<u>93.829.909.296</u>	<u>161.792.543.703</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng kể từ ngày gửi.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi trên 3 tháng đến dưới 12 tháng kể từ ngày gửi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng về bán hàng hóa	116.130.996.802	98.314.745.212
Phải thu khách hàng về hợp đồng xây dựng	40.276.246.825	17.231.548.266
Phải thu khách hàng khác	463.084.000	281.600.000
	<u>156.870.327.627</u>	<u>115.827.893.478</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi dự thu	2.172.786.366	1.336.736.145
Tiền thuê đất dự án "Trạm nén CNG Hiệp Phước"	3.067.727.472	9.933.380.382
Các khoản phải thu khác	2.729.080.102	2.285.165.277
	<u>7.969.593.940</u>	<u>13.555.281.804</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	12.086.052.065	18.128.135.422
Công cụ, dụng cụ	78.480.094	56.230.986
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.551.499.846	19.552.753.007
Hàng hoá	4.298.280.096	1.769.691.118
	<u>40.014.312.101</u>	<u>39.506.810.533</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>40.014.312.101</u>	<u>39.506.810.533</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng cho nhân viên	1.124.181.537	780.732.831
Ký quỹ, ký cược	12.500.000	18.500.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	155.785.300	-
	<u>1.292.466.837</u>	<u>799.232.831</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	248.312.772	1.494.762.818	787.978.357	8.093.789.070	10.624.843.017
Mua trong năm	-	-	-	96.000.000	96.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	1.144.164.661	1.144.164.661
Phân loại lại (*)	(25.854.000)	-	(649.670.458)	(2.767.212.469)	(3.442.736.927)
Tại ngày 31/12/2013	222.458.772	1.494.762.818	138.307.899	6.566.741.262	8.422.270.751
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	176.953.928	1.216.470.506	612.894.858	3.352.596.253	5.358.915.545
Khấu hao trong năm	37.049.516	218.162.444	11.290.000	1.009.204.853	1.275.706.813
Phân loại lại (*)	(18.319.382)	-	(522.023.170)	(1.571.293.145)	(2.111.635.697)
Tại ngày 31/12/2013	195.684.062	1.434.632.950	102.161.688	2.790.507.961	4.522.986.661
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	26.774.710	60.129.868	36.146.211	3.776.233.301	3.899.284.090
Tại ngày 31/12/2012	71.358.844	278.292.312	175.083.499	4.741.192.817	5.265.927.472

(*) Phản ánh phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình sang chi phí trả trước dài hạn theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 1.201.323.294 VND (31 tháng 12 năm 2012: 426.690.102 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	4.728.197.295	1.086.374.700
Tăng	3.373.044.648	4.480.343.921
Kết chuyển sang tài sản cố định	1.144.164.661	838.521.326
Kết chuyển sang chi phí	-	-
Giảm khác	50.825.416	-
Tại ngày 31 tháng 12	6.906.251.866	4.728.197.295

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trạm gas trung tâm dự án Dương Nội	1.207.194.853	-
Trạm gas trung tâm dự án Yên Hòa	519.901.295	-
Trạm gas trung tâm dự án CT1 & CT2 Ngô Thị Nhậm - Hà Đông	400.068.561	385.575.529
Trạm cấp gas cho khu đô thị Vĩnh Diễm Trung - Nha Trang	3.649.806.846	3.015.420.386
Trạm gas trung tâm dự án Ecopark	-	813.641.344
Khác	1.129.280.311	513.560.036
	6.906.251.866	4.728.197.295

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ ngày gửi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	11.071.202.401	18.353.359.173
Tăng trong năm	8.996.926.216	5.720.136.748
Phân bổ vào chi phí trong năm	4.136.084.536	1.729.753.875
Giảm tiền thuê đất dự án "Trạm nén CNG Hiệp Phước"	-	11.272.539.645
Tại ngày 31 tháng 12	15.932.044.081	11.071.202.401

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi tiết chi phí trả trước dài hạn như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam	15.016.061.689	10.526.388.067
Khác	915.982.392	544.814.334
	15.932.044.081	11.071.202.401

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả các Bên liên quan	151.409.375.073	131.422.735.114
Phải trả người bán khác	12.141.688.627	13.757.415.665
	163.551.063.700	145.180.150.779

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.586.454.649	803.906.702
Thuế thu nhập cá nhân	45.634.604	37.072.693
	1.632.089.253	840.979.395

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí nhân công	450.183.529	271.959.938
Phải trả Viện Dầu khí Việt Nam	650.000.000	-
Chi phí phải trả khác	356.693.030	389.272.063
	1.456.876.559	661.232.001

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả cổ tức	898.829.820	726.243.240
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	577.968.588	459.437.991
Kinh phí công đoàn	200.961.904	203.289.344
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	2.898.090
Phải trả thuế GTGT của tiền thuê đất dự án "Trạm nén CNG Hiệp Phước"	-	903.034.581
Phải trả các tổ đội thi công	1.436.516.832	-
Phải trả khác	393.410.189	507.089.774
	3.507.687.333	2.801.993.020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	188.700.000.000	15.480.000.000	806.000.778	1.790.614.594	337.031.314	6.721.000.234	213.834.646.920
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	5.834.294.632	5.834.294.632
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(6.511.000.000)	(6.511.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	(4.060.325)	(4.060.325)
Tại ngày 01/01/2013	188.700.000.000	15.480.000.000	806.000.778	1.790.614.594	337.031.314	5.908.234.541	213.021.881.227
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	14.631.181.530	14.631.181.530
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(900.000.000)	(900.000.000)
Giảm trong năm							
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(4.717.500.000)	(4.717.500.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Các khoản giảm khác (ii)	-	-	-	-	-	(770.667.568)	(770.667.568)
Tại ngày 31/12/2013	188.700.000.000	15.480.000.000	806.000.778	1.790.614.594	337.031.314	14.019.248.503	221.132.895.189

- (i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 08 tháng 5 năm 2013, trong đó chia cổ tức cho các cổ đông với số tiền 4.717.500.000 VND và trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 900.000.000 VND.
- (ii) Giảm khác phản ánh các khoản phải nộp do truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính qua Thanh tra quyết toán thuế số 1627/QĐ-CT-TTr3 ngày 21 tháng 5 năm 2013.

Ban Giám đốc Công ty quyết định hạch toán các khoản thù lao Hội đồng Quản trị và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước bổ sung qua thanh tra thuế giảm trừ vào lợi nhuận chưa phân phối trong năm. Ban Giám đốc tin tưởng rằng, việc hạch toán như trên sẽ phản ánh đúng tình hình hoạt động thực tế của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

	31/12/2013	31/12/2012
Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	18.870.000	18.870.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	18.870.000	18.870.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ. Cụ thể như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	%	Số tiền (VND)	%	Số tiền (VND)
ENN Energy	43,89%	82.820.000.000	43,89%	82.820.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	3,97%	7.500.000.000	3,97%	7.500.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam	35,51%	67.000.000.000	35,51%	67.000.000.000
Các cổ đông phổ thông khác	16,63%	31.380.000.000	16,63%	31.380.000.000
	100%	188.700.000.000	100%	188.700.000.000

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các sản phẩm gas. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh các sản phẩm gas. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các sản phẩm gas, xây lắp và cung cấp dịch vụ có liên quan.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	855.197.198.160	796.932.541.413
Doanh thu bán hàng hóa	766.285.702.722	772.670.328.814
Doanh thu hợp đồng xây dựng	85.469.201.236	23.614.899.189
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.442.294.202	647.313.410
Các khoản giảm trừ doanh thu	(24.953)	(41.675.910)
Giảm giá hàng bán	(24.953)	(41.675.910)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	855.197.173.207	796.890.865.503

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	743.096.410.808	754.140.649.945
Giá vốn hoạt động xây dựng	66.143.041.324	20.161.715.253
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.013.980.391	59.727.237
	812.253.432.523	774.362.092.435

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.996.369.157	15.635.778.584
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.057.122
	11.996.369.157	15.637.835.706

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp	44.920.464.143	20.428.818.834
Chi phí nhân công	31.584.871.967	19.758.277.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.284.473.144	1.363.847.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.256.143.761	17.960.109.242
	104.045.953.015	59.511.052.640

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	19.524.908.707	8.099.180.079
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	50.000.000	112.633.528
Thu nhập chịu thuế	19.574.908.707	8.211.813.607
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.893.727.177	2.052.953.402

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí liên quan đến dự án CNG Hiệp Phước	-	-
Chênh lệch tạm thời doanh thu xây lắp	575.441.287	575.441.287
Tổng chênh lệch tạm thời tính thuế thu nhập doanh nghiệp	575.441.287	575.441.287
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
	143.860.322	143.860.322

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.631.181.530	5.834.294.632
Trừ: Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	(132.000.000)	(132.000.000)
Trừ: Giảm khác	(770.667.568)	(4.060.325)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.728.513.962	5.698.234.307
Cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm	18.870.000	18.870.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	728	302

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.439.388.430	895.370.163
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.403.063.777	5.279.062.056
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	11.502.841.556	18.035.175.666
Sau năm năm	3.441.827.000	8.764.071.167
	18.347.732.333	32.078.308.889

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 508 m² tại tầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 173 đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	93.829.909.296	161.792.543.703
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	221.132.895.189	213.021.881.227
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	93.829.909.296	161.792.543.703
Phải thu khách hàng và phải thu khác	157.037.969.693	126.431.554.875
Đầu tư ngắn hạn	78.104.559.580	19.384.694.454
Đầu tư tài chính dài hạn	2.118.928.290	18.866.450
Tài sản tài chính khác	276.531.172	176.745.872
Tổng cộng	331.367.898.031	307.804.405.354
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	166.880.079.129	148.003.020.709
Chi phí phải trả	1.456.876.559	661.232.001
Công nợ tài chính khác	3.841.980.496	1.183.957.465
Tổng cộng	172.178.936.184	149.848.210.175

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Giám đốc đánh giá rằng chi phí thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro có thể cao hơn rủi ro tiềm ẩn do thay đổi về lãi suất và giá của các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên với số tiền là 10.909.750.926 VND, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các đối tượng này với số tiền lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 7.795.186.224 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	93.829.909.296	-	93.829.909.296
Phải thu khách hàng và phải thu khác	157.037.969.693	-	157.037.969.693
Đầu tư ngắn hạn	78.104.559.580	-	78.104.559.580
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.118.928.290	2.118.928.290
Tài sản tài chính khác	168.285.300	108.245.872	276.531.172
Cộng	329.140.723.869	2.227.174.162	331.367.898.031

31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	166.857.789.129	22.290.000	166.880.079.129
Chi phí phải trả	1.456.876.559	-	1.456.876.559
Công nợ tài chính khác	3.841.980.496	-	3.841.980.496
Cộng	172.156.646.184	22.290.000	172.178.936.184

Chênh lệch thanh khoản thuần	156.984.077.685	2.204.884.162	159.188.961.847
-------------------------------------	------------------------	----------------------	------------------------

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.792.543.703	-	161.792.543.703
Phải thu khách hàng và phải thu khác	126.431.554.875	-	126.431.554.875
Đầu tư ngắn hạn	19.384.694.454	-	19.384.694.454
Đầu tư tài chính dài hạn	-	18.866.450	18.866.450
Tài sản tài chính khác	18.500.000	158.245.872	176.745.872
Cộng	307.627.293.032	177.112.322	307.804.405.354

31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	147.979.245.709	23.775.000	148.003.020.709
Chi phí phải trả	661.232.001	-	661.232.001
Công nợ tài chính khác	1.183.957.465	-	1.183.957.465
Cộng	149.824.435.175	23.775.000	149.848.210.175

Chênh lệch thanh khoản thuần	157.802.857.857	153.337.322	157.956.195.179
-------------------------------------	------------------------	--------------------	------------------------

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Chủ sở hữu
Viện Dầu khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	37.785.895.594	36.587.334.565
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	21.960.434	1.488.141.511
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	1.054.915.273	966.772.064
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	693.321.816.595	672.838.437.285
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	2.167.640.909	1.403.743.212
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	11.559.091	25.850.000
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.127.729.441	-
Viện Dầu khí Việt Nam	5.441.392.964	2.799.676.431

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	4.755.436.298	2.450.170.684
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	-	123.685.194
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	169.423.000	83.624.520
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	138.305.277.296	125.596.638.738
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	273.681.000	135.280.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	-	6.685.000
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.351.069	-
Viện Dầu khí Việt Nam	7.902.206.410	3.026.650.978

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.469.849.112	2.409.078.158
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	132.000.000	132.000.000
	1.601.849.112	2.541.078.158

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

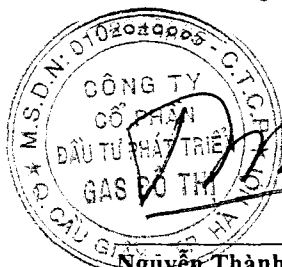
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



Nguyễn Thành Đơn
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu